

Số: 835 /QĐ-UBND

A Dơi, ngày 16 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm
công chức, người lao động thuộc Ủy ban nhân dân xã A Dơi**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 24/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 334/2025/NĐ-CP ngày 21/12/2025 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm công chức;

Căn cứ Quyết định số 3395/QĐ-UBND ngày 18/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt vị trí việc làm, tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 3871/QĐ-UBND ngày 16/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc bổ sung trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tại vị trí việc làm thuộc Trung tâm Phục vụ hành chính công ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Văn hóa - Xã hội tại Tờ trình số 409/TTr-VHXXH ngày 16/9/2026 và đề nghị của Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm và Bản mô tả công việc, khung năng lực vị trí việc làm công chức, người lao động thuộc Ủy ban nhân dân xã A Dơi, cụ thể như sau:

1. Danh mục vị trí việc làm: Gồm 42 vị trí việc làm, trong đó: 06 vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý; 33 vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ; 03 vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ.

2. Tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm: Thực hiện theo tỷ lệ công chức bố trí tương ứng với từng nhóm vị trí việc làm theo quy định.

3. Bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm: Gồm 42 Bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm tương ứng với 42 vị trí việc làm được phê duyệt.

(Có Phụ lục I, Phụ lục II và Phụ lục III kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng các Phòng: Kinh tế, Văn hóa - Xã hội và Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công căn cứ Danh mục, tỷ lệ công chức và Bản mô tả công việc, khung năng lực vị trí việc làm được phê duyệt; biên chế được giao; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và yêu cầu thực tế để rà soát, bố trí, phân công, quản lý và sử dụng công chức, người lao động phù hợp với vị trí việc làm; bảo đảm không làm tăng biên chế được giao. Việc bố trí công chức, xác định ngạch công chức tương ứng, thực hiện chế độ kiêm nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng và các chế độ, chính sách có liên quan phải bảo đảm đúng tiêu chuẩn, điều kiện, tỷ lệ và trình tự, thủ tục theo quy định.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Quyết định này; theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc bố trí, sử dụng công chức theo vị trí việc làm; tổng hợp nhu cầu tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng; tham mưu việc xếp ngạch tương ứng với vị trí việc làm và bảo đảm tỷ lệ theo quy định.

3. Khi có thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, quy định pháp luật hoặc yêu cầu thực tiễn làm phát sinh nhu cầu điều chỉnh Bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan đề xuất bằng văn bản gửi Phòng Văn hóa - Xã hội thẩm định, tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã xem xét, quyết định.

4. Công chức, người lao động thuộc Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ theo vị trí việc làm, bản mô tả công việc, quyết định phân công và các nhiệm vụ khác do cấp có thẩm quyền giao; chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng, kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng các Phòng: Kinh tế, Văn hóa - Xã hội; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và công chức, người lao động thuộc Ủy ban nhân dân xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Nội vụ;
- Thường trực Đảng ủy xã (b/c);
- Thường trực HĐND xã (b/c);
- CT, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT, VHXH.



CHỦ TỊCH

Trần Trọng Kim

PHỤ LỤC I
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ A DƠI, TỈNH QUẢNG TRỊ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 9/2026 của Chủ tịch UBND xã)

TT	Mã vị trí việc làm	Vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
		Tổng cộng (I) + (II) + (III)	42 vị trí	
I		Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	06 vị trí	
1	AD-LĐQL.01	Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	Chuyên viên chính	
2	AD-LĐQL.02	Trưởng phòng	Chuyên viên chính	
3	AD-LĐQL.03	Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công	Chuyên viên chính	
4	AD-LĐQL.04	Phó Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	Chuyên viên chính hoặc Chuyên viên	
5	AD-LĐQL.05	Phó Trưởng phòng	Chuyên viên chính hoặc Chuyên viên	
6	AD-LĐQL.06	Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công	Chuyên viên chính hoặc Chuyên viên	
II		Vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ	33 vị trí	
1		Lĩnh vực Văn phòng	03 vị trí	
	AD-NVCM.01	Chuyên viên tham mưu, giúp việc Hội đồng nhân dân	Chuyên viên	
	AD-NVCM.02	Chuyên viên tham mưu về lĩnh vực văn phòng	Chuyên viên	
	AD-NVCM.03	Chuyên viên về hành chính - văn phòng, quản trị công sở	Chuyên viên	
2		Lĩnh vực Tư pháp	01 vị trí	

	AD-NVCM.04	Chuyên viên về lĩnh vực tư pháp	Chuyên viên	
3		Lĩnh vực Đối ngoại	01 vị trí	
	AD-NVCM.05	Chuyên viên về lĩnh vực đối ngoại, hội nhập quốc tế, biên giới, lãnh thổ quốc gia	Chuyên viên	
4		Lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch	03 vị trí	
	AD-NVCM.06	Chuyên viên về lĩnh vực tài chính	Chuyên viên	
	AD-NVCM.07	Chuyên viên về lĩnh vực kế hoạch, đầu tư, thống kê	Chuyên viên	
	AD-NVCM.08	Chuyên viên về lĩnh vực đăng ký hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hỗ trợ kinh doanh, tổ chức kinh tế tập thể	Chuyên viên	
5		Lĩnh vực Xây dựng	03 vị trí	
	AD-NVCM.09	Chuyên viên về lĩnh vực quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc	Chuyên viên	
	AD-NVCM.10	Chuyên viên về lĩnh vực hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị, vật liệu xây dựng, nhà ở, công sở	Chuyên viên	
	AD-NVCM.11	Chuyên viên về lĩnh vực giao thông	Chuyên viên	
6		Lĩnh vực Công thương	01 vị trí	
	AD-NVCM.12	Chuyên viên về lĩnh vực công thương	Chuyên viên	
7		Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường	04 vị trí	
	AD-NVCM.13	Chuyên viên về lĩnh vực nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông nghiệp; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo	Chuyên viên	
	AD-NVCM.14	Chuyên viên về lĩnh vực chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản, muối; kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế tập thể, nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn	Chuyên viên	

	AD-NVCM.15	Chuyên viên về lĩnh vực đất đai; tài nguyên khoáng sản	Chuyên viên	
	AD-NVCM.16	Chuyên viên về lĩnh vực môi trường; tài nguyên nước	Chuyên viên	
8		Lĩnh vực Nội vụ	03 vị trí	
	AD-NVCM.17	Chuyên viên về lĩnh vực nội vụ	Chuyên viên	
	AD-NVCM.18	Chuyên viên về lĩnh vực lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, người có công, bình đẳng giới	Chuyên viên	
	AD-NVCM.19	Chuyên viên về lĩnh vực dân tộc, tôn giáo	Chuyên viên	
9		Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	01 vị trí	
	AD-NVCM.20	Chuyên viên lĩnh vực giáo dục và đào tạo	Chuyên viên	
10		Lĩnh vực Văn hóa, Khoa học và Thông tin	03 vị trí	
	AD-NVCM.21	Chuyên viên về lĩnh vực văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo	Chuyên viên	
	AD-NVCM.22	Chuyên viên về lĩnh vực phát thanh truyền hình; báo chí; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; bưu chính; ứng dụng công nghệ thông tin; giao dịch điện tử; chính quyền số; kinh tế số; xã hội số; chuyển đổi số	Chuyên viên	
	AD-NVCM.23	Chuyên viên về lĩnh vực nghiên cứu khoa học; phát triển công nghệ; đổi mới sáng tạo; sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân	Chuyên viên	
11		Lĩnh vực Y tế	01 vị trí	
	AD-NVCM.24	Chuyên viên về lĩnh vực y tế	Chuyên viên	
12		Trung tâm Phục vụ hành chính công	01 vị trí	
	AD-NVCM.25	Chuyên viên thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính, thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, theo dõi việc ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã	Chuyên viên	

13		Sử dụng tại các Phòng chuyên môn theo quy định của cấp có thẩm quyền phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Phòng	08 vị trí	
	AD-NVCM.26	Chuyên viên về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng	Chuyên viên	
	AD-NVCM.27	Chuyên viên về quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Chuyên viên	
	AD-NVCM.28	Văn thư viên	Văn thư viên	
	AD-NVCM.29	Chuyên viên về kiểm tra chuyên ngành	Chuyên viên	
	AD-NVCM.30	Lưu trữ viên	Lưu trữ viên	
	AD-NVCM.31	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	Theo quy định	
	AD-NVCM.32	Kế toán viên	Kế toán viên	
	AD-NVCM.33	Cán sự thủ quỹ	Cán sự	
III		Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ (Không bố trí công chức)	03 vị trí	
1	AD-HTPV.01	Nhân viên phục vụ	Không xếp ngạch	
2	AD-HTPV.02	Nhân viên bảo vệ	Không xếp ngạch	
3	AD-HTPV.03	Nhân viên lái xe	Không xếp ngạch	

PHỤ LỤC II
TỶ LỆ CÔNG CHỨC BỔ TRÍ THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ A DƠI, TỈNH QUẢNG TRỊ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2026 của Chủ tịch UBND xã)

TT	Ngạch công chức	Tỷ lệ công chức bổ trí theo vị trí việc làm	Ghi chú
1	Chuyên viên chính và tương đương	- Đối với vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý là người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân xã: Tỷ lệ là 100%. - Đối với vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý là cấp phó người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân xã: Tỷ lệ không vượt quá 50% tổng số lượng cấp phó người đứng đầu của toàn bộ cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân xã theo quy định của cấp có thẩm quyền.	- Thực hiện theo Quyết định số 3395/QĐ-UBND ngày 18/8/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị;
2	Chuyên viên và tương đương; cán sự và tương đương	Tỷ lệ còn lại đối với số lượng công chức còn lại của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân xã.	

Ghi chú: Việc bổ trí công chức theo vị trí việc làm phải phù hợp với biên chế được giao, tiêu chuẩn của vị trí việc làm, ngạch công chức tương ứng và các quy định hiện hành; không làm tăng số lượng biên chế được cấp có thẩm quyền giao.